|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂNTỈNH KON TUM | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2020/QĐ-UBND | *Kon Tum, ngày tháng năm 2020* |

**DỰ THẢO**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

# ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số....../TTr-STNMT ngày tháng năm 2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ...... tháng ...... năm 2020 và thay thế [Quyết định số 21/2011/QĐ-UBND ngày 22 tháng 08 năm 2011 của UBND tỉnh Kon Tum về việc ban hành Quy chế thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Kon Tum.](http://stnmt.kontum.gov.vn/uploads/cong-khai-cong-bo/qd21qcthuthap-ubnd.pdf)

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 3;  - VP Chính phủ (b/c); - Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);  - Bộ Tư pháp (b/c); - Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp); - Thường trực TU (b/c);  - Thường trực HĐND tỉnh (b/c);  - Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh (b/c);  - Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh; - Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh;  - Sở Tư pháp;  - Sở Tài nguyên và Môi trường;  - Báo Kon Tum;  - Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh Kon Tum;  - Chi cục Văn thư-Lưu trữ tỉnh;  - Công báo tỉnh;  - Cổng Thông tin điện tử Tỉnh;  - CVP, các PVP UBND tỉnh; - Lưu: VT. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  CHỦ TỊCH** |

|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂNTỈNH KON TUM **DỰ THẢO** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**QUY CHẾ**

**Thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu về   
tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2020/QĐ-UBND   
ngày ... tháng ... năm 2020 của UBND tỉnh Kon Tum)*

**Chương I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này quy định cụ thể một số nội dung việc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường gồm: đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản, địa chất; môi trường, đa dạng sinh học; khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu; đo đạc, bản đồ và viễn thám *(sau đây gọi chung là thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường)*; cơ chế phối hợp, kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Quy chế này áp dụng đối với cơ quan Nhà nước, tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài *(sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân)* có hoạt động thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu; khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

3. Các nội dung không quy định tại Quy chế này được thực hiện theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường *(sau đây gọi là Nghị định 73/2017/NĐ-CP)*, Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng *(sau đây gọi là Thông tư 32/2018/TT-BTNMT)* và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

**Điều 2. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Kon Tum**

Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải là các thông tin, dữ liệu được thu nhận và lưu trữ theo đúng quy định pháp luật. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Kon Tum bao gồm các loại thông tin, dữ liệu quy định tại Điều 4 của Nghị định 73/2017/NĐ-CP trừ thông tin, dữ liệu quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị định 73/2017/NĐ-*CP (Thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường biển và hải đảo)*.

**Điều 3. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Kon Tum**

Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Kon Tum là cơ sở dữ liệu tích hợp, tập hợp từ thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường đã được kiểm tra, đánh giá và tổ chức quản lý, lưu trữ một cách có hệ thống được xây dựng, cập nhật và duy trì phục vụ quản lý nhà nước và các hoạt động kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo và nâng cao dân trí do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, lưu trữ và quản lý.

**Điều 4. Nguyên tắc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

Nguyên tắc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định 73/2017/NĐ-CP.

**Điều 5. Sự tham gia của các tổ chức, cá nhân**

Sự tham gia của các tổ chức, cá nhân thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định 73/2017/NĐ-CP.

**Điều 6. Kinh phí thu thập, xử lý thông tin, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

1. Kinh phí thu thập, xử lý, tổ chức quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; xây dựng, cập nhật, vận hành cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh do ngân sách nhà nước cấp tỉnh cấp, được phân bổ từ nguồn kinh phí sự nghiệp tài nguyên và môi trường hàng năm và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

2. Hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Tài chính lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thu thập, xử lý, tổ chức quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; xây dựng cập nhật, vận hành cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh *(sau đây gọi tắt là UBND)* tỉnh quyết định.

3. Phí khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.

**Chương II  
THU THẬP THÔNG TIN, DỮ LIỆU  
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

**Điều 7. Lập, phê duyệt kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

1. Việc lập kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin phải bảo đảm thông tin, dữ liệu được thu thập, cập nhật chính xác, đầy đủ, có hệ thống, không trùng lặp, chồng chéo, phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Các Sở, ban, ngành của tỉnh, UBND các huyện, thành phố *(sau đây gọi tắt là UBND cấp huyện, thành phố)* trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao xác định thông tin, dữ liệu cần thu thập, cập nhật, xây dựng kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 9 hàng năm để tổng hợp, lập kế hoạch theo quy chế này.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp kế hoạch của các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, thành phố, lập kế hoạch thu thập, cập nhật dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm của tỉnh, trình UBND tỉnh phê duyệt trước ngày 31 tháng 10 hàng năm.

**Điều 8. Thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm triển khai thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm đã được Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Các Sở, ngành thuộc tỉnh, UBND cấp huyện, thành phố trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, triển khai kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường hàng năm được UBND tỉnh phê duyệt của đơn vị mình.

3. Trường hợp pháp luật quy định việc thu thập thông tin, dữ liệu phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì Sở Tài nguyên và Môi trường phải làm thủ tục xin phép theo quy định và chỉ được tiến hành thu thập dữ liệu sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

4. Việc thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân thủ đúng các quy định, quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường. Nội dung thông tin, dữ liệu thu thập, cập nhật phải phù hợp, chính xác, kịp thời, hiệu quả. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc danh mục tài liệu bí mật nhà nước phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

5. Đối với cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường thành phần thuộc các lĩnh vực quản lý đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản, môi trường, địa chất và khoáng sản, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu, đo đạc và bản đồ, viễn thám và các thông tin, dữ liệu chuyên ngành khác về tài nguyên và môi trường do các đơn vị thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, thu thập được phải giao nộp cho Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường để tích hợp vào cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh.

6. Các hình thức thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường: thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư 32/2018/TT-BTNMT.

7. Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý, số hóa dữ liệu thu thập được và các thông tin, dữ liệu khác từ cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường ngành, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện để tích hợp vào cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh theo quy định.

**Điều 9. Kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

## 1. Thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường sau khi thu thập phải được phân loại, tổng hợp, xử lý, đánh giá khả năng khai thác, sử dụng. Việc kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu phải tuân theo các quy định, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, phê duyệt.

2. Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh, UBND cấp huyện, có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, dữ liệu của mình. Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu cấp tỉnh khi tiếp nhận, thu thập vào Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh.

3. Tất cả các thông tin, dữ liệu thu thập được phải biên tập, chỉnh sửa, sắp xếp bảo đảm tính chính xác, tin cậy, thống nhất, an toàn của thông tin, dữ liệu.

**Điều 10. Giao nộp, tiếp nhận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

1. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường khi giao nhận phải lập thành biên bản *(theo Mẫu số 06, tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế)* và được lưu vào hồ sơ theo Quy chế này. Biên bản giao nộp thông tin, dữ liệu cho Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường là một trong những cơ sở để xác định hoàn thành công trình, dự án hoặc nhiệm vụ được giao.

2. Tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước để thu thập, tạo lập dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm giao nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường *(qua Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường)* 01 *(một)* bộ dữ liệu đúng theo chuẩn dữ liệu chuyên môn đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành.

Chương III  
TỔ CHỨC QUẢN LÝ THÔNG TIN, DỮ LIỆU  
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 11. Bảo quản, lưu trữ và tu bổ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Việc bảo quản, lưu trữ và tu bổ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân theo quy định của pháp luật về lưu trữ, các quy định, quy trình, quy phạm và quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành.

2. Tất cả các thông tin, dữ liệu thu thập được phải được phân loại, đánh giá, xử lý để có hình thức, biện pháp bảo quản, lưu trữ, bảo vệ phù hợp, bảo đảm an toàn và kéo dài tuổi thọ cho thông tin, dữ liệu, tài liệu nhằm phục vụ được tốt các yêu cầu khai thác, sử dụng.

3. Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm lưu trữ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh.

**Điều 12**. **Xây dựng** **cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường**

1. Cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường tỉnh được xây dựng phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh.

2. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh được xây dựng và kết nối, chia sẻ trên môi trường điện tử phục vụ quản lý, khai thác, cung cấp, sử dụng thông tin, dữ liệu thuận tiện, hiệu quả.

3. Cơ sở dữ liệu phải đáp ứng khung cơ sở dữ liệu, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ thông tin và chuyên ngành.

4. Việc xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành cụ thể thực hiện theo quy định của pháp luật đối với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

## **Điều 13. Vận hành, cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường**

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

1. Xây dựng các quy trình nghiệp vụ, kiểm soát để vận hành, duy trì cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2. Xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí bảo đảm thường xuyên, liên tục, định kỳ cập nhật nội dung cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

3. Xây dựng và thực hiện các giải pháp đồng bộ bảo đảm cơ sở dữ liệu có hiệu suất vận hành và sẵn sàng đáp ứng cao.

4. Xây dựng và thực hiện các giải pháp về sao lưu, dự phòng bảo đảm tính nguyên vẹn, an toàn của cơ sở dữ liệu. Trong trường hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hư hỏng, bị phá hủy do các hành vi trái phép phải có cơ chế bảo đảm phục hồi được thông tin, dữ liệu. Cụ thể:

a) Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được định kỳ 3 (ba) tháng 1 (một) lần sao chép và lưu trữ theo quy định;

b) Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được lưu trữ bản dự phòng ít nhất 6 (sáu) tháng 1 (một) lần. Bản dự phòng có thể khôi phục được trong trường hợp có sự cố hỏng hóc thiết bị một cách khách quan;

c) Thông tin, dữ liệu lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được sao chép vào đĩa cứng, đĩa quang (CD, DVD), băng từ theo định kỳ và lưu trữ theo quy trình, quy phạm kỹ thuật, bảo mật và an toàn theo quy định hiện hành của pháp luật.

d) Định kỳ 3 (ba) tháng 1 (một) lần phải kiểm tra và bảo đảm an toàn hệ thống thông tin điện tử.

**Điều 14. Bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin, có các biện pháp tổ chức, quản lý vận hành, nghiệp vụ và kỹ thuật nhằm bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu, an toàn máy tính và an ninh mạng.

2. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được phân loại theo cấp độ an toàn hệ thống thông tin, đáp ứng yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cơ sở dữ liệu. Thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin, quản lý rủi ro và các biện pháp phù hợp để bảo đảm an toàn thông tin theo quy định.

4. Việc in, sao, chụp, vận chuyển, giao nhận, truyền dữ liệu tài liệu, lưu giữ, bảo quản, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi bí mật nhà nước phải tuân theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

Chương IV  
KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU;  
CƠ SỞ DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

**Điều 15. Công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

1. Danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được công bố trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, Hệ thống thông tin tỉnh, Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum, các ấn phẩm chuyên môn. Việc công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân thủ theo các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường và theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xây dựng danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố theo quy định tại Khoản 2 Điều 15 Nghị định số [73/2017/NĐ-CP](https://vanbanphapluat.co/van-ban-lien-quan?id=73/2017/N%C4%90-CP).

3. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp Văn phòng uỷ ban nhân tỉnh và các cơ quan có liên quan tham mưu Uỷ ban nhân dân tỉnh thực hiện các trách nhiệm quy định tại Điều 14 Thông tư 32/2018/TT-BTNMT.

**Điều 16. Hình thức khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

Hình thức khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 16, Nghị định 73/2017/NĐ-CP.

**Điều 17. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu qua trang thông tin hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu**

Các Sở, ban, ngành kết nối, chia sẻ thông tin với cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường; khai thác và sử dụng thông tin trên mạng Internet thông qua Cổng thông tin điện tử tỉnh hoặc Trang thông tin điện tử Sở Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 18. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu qua văn bản, phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu**

Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu căn cứ danh mục thông tin, dữ liệu hiện có, lập phiếu yêu cầu, văn bản yêu *cầu (theo Mẫu số 02, Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này)*. Trường hợp là cá nhân thì phải mang theo Chứng minh nhân dân; trường hợp là tổ chức thì Lãnh đạo tổ chức phải ký tên và đóng dấu vào Phiếu yêu cầu hoặc có Giấy giới thiệu và cá nhân đại diện cho tổ chức khi đến khai thác dữ liệu phải trình chứng minh nhân dân của mình.

Hồ sơ được nộp theo phương thức sau đây: nộp trực tiếp tại Văn thư của Sở Tài nguyên và Môi trường, số 06 đường Ngô Thì Nhậm, phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Sau khi tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính, trong thời hạn 1 ngày cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin, dữ liệu cho các tổ chức, cá nhân. *(Nếu khối lượng thông tin, dữ liệu quá lớn mà không thể thực hiện việc cung cấp trong ngày thì cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu phải thông báo cụ thể về thời gian cung cấp.)*

**Điều 19. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu bằng hình thức hợp đồng**

Việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu bằng hình thức hợp đồng thực hiện theo quy định của Bộ luật dân sự giữa cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu và tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu. Mẫu hợp đồng cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này.

**Điều 20. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định 73/2017/NĐ-CP.

**Điều 21. Những trường hợp không được cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

1. Văn bản, phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu mà nội dung không rõ ràng, cụ thể; yêu cầu khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước không đúng quy định; mục đích sử dụng không phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân không có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trực tiếp đến thông tin, dữ liệu; không thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có) theo quy định.

Trường hợp từ chối cung cấp thông tin, dữ diệu thì phải nêu rõ lý do và phải trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết.

**Điều 22. Thẩm quyền cho phép cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép cung cấp sử dụng tài liệu Tối mật.

2. Giám đốc Sở, Thủ trưởng các cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố cho phép cung cấp sử dụng tài liệu Mật.

3. Thủ trưởng cơ quan lưu trữ thông tin, dữ liệu được phép cung cấp sử dụng tài liệu ngoài các tài liệu đã quy định tại Khoản 1, Khoản 2 của Điều này; Trường hợp khai thác dữ liệu liên quan đến công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; dữ liệu phục vụ cho xét xử, điều tra các vụ án thì cơ quan lưu trữ thông tin, dữ liệu tiếp nhận yêu cầu và đồng thời dự thảo văn bản, trình Lãnh đạo Sở hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến chỉ đạo.

**Chương V  
KẾT NỐI, CHIA SẺ THÔNG TIN, DỮ LIỆU  
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ**

**Điều 23. Nguyên tắc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các cơ quan quản lý nhà nước; giữa các cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường và giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan được cơ quan cấp trên thống nhất, phê duyệt trên nguyên tắc:

a) Kết nối, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật;

b) Bảo đảm việc tiếp cận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ kịp thời cho việc đánh giá, dự báo, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch, tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh;

c) Bảo đảm việc trao đổi, cung cấp thông tin, dữ liệu được thông suốt, kịp thời, đáp ứng các yêu cầu về an toàn, an ninh thông tin.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tham mưu để Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử do cơ quan quản lý với các bộ, ngành và địa phương khác theo quy định.

**Điều 24. Kết nối, tích hợp thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử**

1. Thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường bao gồm thông tin, dữ liệu thời gian thực và thông tin, dữ liệu có độ trễ về thời gian (phải qua các bước phân tích, xử lý). Thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường có ý nghĩa rất quan trọng đối với ứng phó, xử lý kịp thời trong công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai, thảm họa.

2. Thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường, đặc biệt là thông tin dữ liệu thời gian thực từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc bắt buộc quan trắc quy định của pháp luật phải được thu nhận, tích hợp và chia sẻ, cung cấp kịp thời cho các cơ quan, tổ chức có chức năng, phục vụ dân sinh, phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng.

3. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường thu thập, thu nhận, quản lý, cung cấp thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh; cung cấp, tích hợp thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường về cơ sở dữ liệu quốc gia do Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý; sử dụng thông tin, dữ liệu trong cơ sở dữ liệu quốc gia về quan trắc tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.

**Điều 25. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

Trách nhiệm của các cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 24, 27 và 28 Nghị định 73/2017/NĐ-CP.

**Điều 26. Bảo vệ quyền sở hữu thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

1. Quyền sở hữu trí tuệ đối với thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

2. Bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

## **Điều 27. Báo cáo về công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

1. Trước ngày 30 tháng 11 hàng năm, Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường gửi báo cáo về công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý.

3. Mẫu báo cáo về công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường quy định chi tiết tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 32/2017/TT-BTNMT.

**Chương VI**

**TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

**Điều 28. Trách nhiệm quản lý nhà nước về thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh; tổ chức, chỉ đạo các cơ quan quản lý thực hiện thu thập, quản lý, lưu trữ, cung cấp và sử dụng nguồn thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh;

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên đia bàn tỉnh và tổ chức thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Hàng năm, chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, ủy ban nhân dân huyện, thành phố lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm của tỉnh; tổ chức thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt.

b) Chỉ đạo Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường là đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan để tiến hành điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh theo kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hàng năm;

- Tổ chức, quản lý thông tin, dữ liệu trên môi trường điện tử; xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu, cổng thông tin tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các cơ sở dữ liệu trên địa bàn tỉnh, các tỉnh, thành phố và các Bộ, ngành Trung ương;

- Ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức tích hợp thông tin, dữ liệu và các ứng dụng nhằm phục vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác hiệu quả, gia tăng giá trị của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

c) Lưu trữ, bảo quản, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tại Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường;

d) Định kỳ hàng năm gửi báo cáo về công tác thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Bộ Tài nguyên và Môi trường;

đ) Lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh và tổ chức công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh và trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường;

e) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, xem xét, xử lý các đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm:

Hàng năm tổng hợp, cân đối, tham mưu Uỷ ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí chi sự nghiệp môi trường để Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng nguồn thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

Hướng dẫn, giám sát việc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử.

4. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành cấp tỉnh:

a) Hàng năm, theo chức năng, nhiệm vụ của mình lập danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cần thu thập, cập nhật; đề xuất các hoạt động nhiệm vụ thu thập, cập nhật gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 9 hàng năm để Sở tổng hợp, lập kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường. Đồng thời thông báo với Sở Tài nguyên và Môi trường về việc cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường do cơ quan đang quản lý;

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trong lĩnh vực phụ trách.

5. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố:

- Có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc lập và tổ chức thực hiện kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh hàng năm;

- Chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường cung cấp danh mục, thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn huyện, thành phố cho Sở Tài nguyên và Môi trường *(qua Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường)* hàng năm theo quy định.

6. Các tổ chức khác và các cá nhân có trách nhiệm:

Tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường có sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước (hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước) và các tổ chức, doanh nghiệp khác trên địa bản tỉnh (thuộc diện phải nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định của Nhà nước) có trách nhiệm giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo Điều 10 Quy chế này.

**Điều 29. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc khai thác, sử dụng và thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

1. Tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm và quyền hạn:

a) Tuân thủ các nguyên tắc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu quy định tại Điều 4 Quy chế này;

b) Không được chuyển thông tin, dữ liệu cho bên thứ ba sử dụng trừ trường hợp được thỏa thuận trong hợp đồng với cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, dữ liệu;

c) Không được làm sai lệch thông tin, dữ liệu đã được cung cấp để sử dụng;

d) Trả phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu theo quy định tại Điều 6 Quy chế này;

đ) Tuân thủ quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ;

e) Thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu về những sai sót của thông tin, dữ liệu đã cung cấp;

g) Được khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật khi bị vi phạm quyền khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu của mình;

h) Được bồi thường theo quy định của pháp luật khi bên cung cấp thông tin, dữ liệu cung cấp thông tin, dữ liệu không chính xác gây thiệt hại cho mình.

2. Tổ chức, cá nhân thuộc cơ quan lưu trữ thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm:

a) Thường xuyên thông báo với Sở Tài nguyên và Môi trường về việc cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Quy chế này;

b) Tuân thủ quy định của pháp luật về thu thập, tạo lập và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng;

c) Bảo đảm tính trung thực, chính xác của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

d) Định kỳ trước ngày 15 tháng 11 hàng năm gửi báo cáo về công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường theo Mẫu số 05 tại Phụ lục kèm theo Quy chế này.

**Chương VII  
THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

**Điều 31. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo**

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra định kỳ hàng năm, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác giao nộp, thu thập, khai thác, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh.

**Điều 32. Xử lý vi phạm**

Tổ chức, cá nhân có hành vi chiếm giữ, tiêu huỷ trái phép; làm hư hỏng; khai thác, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường không đúng với quy định của pháp luật và quy chế này thì tuỳ theo tính chất, quy mô, hậu quả của hành vi vi phạm mà bị xử lý hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bồi thường theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Chương VIII  
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 33. Xử lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được điều tra, thu thập trước ngày Nghị định số 73/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành:**

Xử lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được điều tra, thu thập trước ngày Nghị định số 73/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định 73/2017/NĐ-CP.

**Điều 34. Trách nhiệm thực hiện**

1. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, nghiên cứu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH** |

**PHỤ LỤC**

*(Ban hành kèm theo Quy chế Thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và*

*sử dụng thông tin, dữ liệu; khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu trong lĩnh*

*vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Kon Tum)*

|  |  |
| --- | --- |
| Mẫu số 01 | Thông báo cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường |
| Mẫu số 02 | Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường |
| Mẫu số 03 | Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đối với cá nhân nước ngoài tại Việt Nam |
| Mẫu số 04 | Hợp đồng cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường |
| Mẫu số 05 | Báo cáo tình hình cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường |
| Mẫu số 06 | Biên bản giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường |

**Mẫu số 01: Thông báo cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP**  **THÔNG TIN, DỮ LIỆU**  **TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  ­­­­­­­­­­­ |
| Số: .................. | *..................., ngày ..... tháng ..... năm .....* |

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum.

1. Tên tổ chức/cá nhân:

Người đại diện trước pháp luật (đối với tổ chức):

Số CMND/Căn cước công dân, ngày, nơi cấp (đối với cá nhân):

2. Địa chỉ:

3. Điện thoại: Fax: E-mail:

Thực hiện Quyết định số ...../2019/QĐ-UBND, ngày ...../...../2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh,

(Tên tổ chức/cá nhân) thông báo về danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đang lưu trữ như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Danh mục thông tin, dữ liệu cung cấp** | **Mô tả về thông tin, dữ liệu** | **Nguồn gốc thông tin, dữ liệu** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

Chúng tôi cam kết thực hiện cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tuân thủ theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, sở hữu trí tuệ và chịu trách nhiệm về nguồn gốc của thông tin, dữ liệu./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Lưu: .... | **NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TỔ CHỨC/CÁ NHÂN** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**Mẫu số 02: Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kính gửi: ………………………………………...........................

1. Tên tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu:

Số CMND/Căn cước công dân, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân):

2. Địa chỉ:

3. Điện thoại, fax, E-mail:

4. Danh mục và nội dung thông tin, dữ liệu cần cung cấp:

5. Mục đích sử dụng thông tin, dữ liệu:

6. Hình thức khai thác, sử dụng và phương thức nhận kết quả (xem, đọc tại chỗ; sao chụp; nhận trực tiếp tại cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu hoặc gửi qua đường bưu điện,...):

7. Cam kết sử dụng thông tin, dữ liệu:

|  |  |
| --- | --- |
|  | *................., ngày ..... tháng ..... năm .....*  **NGƯỜI YÊU CẦU CUNG CẤP THÔNG TIN, DỮ LIỆU1** |

1Trường hợp là cơ quan, tổ chức yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu thì thủ trưởng cơ quan ký tên, đóng dấu; là cá nhân phải ký tên, ghi rõ họ tên

**Mẫu số 03: Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

**đối với cá nhân nước ngoài tại Việt Nam**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kính gửi: ………………………………………...........................

1. Người yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu:

2. Nơi đang làm việc, học tập:

3. Quốc tịch, số hộ chiếu:

4. Điện thoại, fax, E-mail:

5. Danh mục và nội dung thông tin, dữ liệu cần cung cấp:

6. Mục đích sử dụng thông tin, dữ liệu:

7. Hình thức khai thác, sử dụng và phương thức nhận kết quả (xem, đọc tại chỗ; sao chụp; nhận trực tiếp tại cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu hoặc gửi qua đường bưu điện,...):

8. Cam kết của người yêu cầu sử dụng thông tin, dữ liệu:

|  |  |
| --- | --- |
| **XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC NƠI ĐANG LÀM VIỆC, HỌC TẬP** *(Ký xác nhận, đóng dấu)* | *..............., ngày ..... tháng ..... năm .....*  **NGƯỜI YÊU CẦU** *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**Mẫu số 04 : Hợp đồng cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu**

**tài nguyên và môi trường**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG  
Cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

Số: ........../HĐ

Căn cứ Bộ luật dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên,

Hôm nay, ngày..... tháng ..... năm ....., tại .................................., chúng tôi gồm:

**1. Bên cung cấp thông tin, dữ liệu (Bên A)**

Đại diện:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E-mail:

Số tài khoản:

**2. Bên khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu (Bên B)**

Tên tổ chức, cá nhân:

Đại diện:

Chức vụ

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E-mail:

Số tài khoản:

Hai bên thỏa thuận ký hợp đồng cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường như sau:

**Điều 1. Nội dung hợp đồng**

*(Về việc cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu)*

**Điều 2. Thời gian thực hiện**

................... ngày, kể từ ngày ..... tháng ..... năm ......

**Điều 3. Hình thức khai thác, sử dụng và phương thức nhận kết quả**

- Hình thức khai thác, sử dụng:.................................................................................

- Khai thác sử dụng thông qua việc truy cập: ...........................................................

- Nhận trực tiếp tại cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu:...........................................

- Nhận gửi qua đường bưu điện:...............................................................................

**Điều 4. Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán**

Tiền trả cho việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu là:.......................... đồng.

(*Bằng chữ:.................................................................................................. đồng*)

Trong đó:

- Tiền khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu là:........................................... đồng.

- Tiền dịch vụ cung cấp thông tin, dữ liệu là:............................................. đồng.

Số tiền đặt trước:.................................................................................... .. đồng.

(*Bằng chữ:................................................................................................... đồng*)

Hình thức thanh toán (tiền mặt, chuyển khoản):.......................................................

**Điều 5. Trách nhiệm và quyền hạn của hai bên**

**Điều 6. Bổ sung, sửa đổi và chấm dứt hợp đồng và xử lý tranh chấp**

**Điều 7. Điều khoản chung**

1. Hợp đồng này được làm thành ..... bản, có giá trị pháp lý ngang nhau, bên A giữ ..... bản, bên B giữ ..... bản.

2. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày...............................................................

|  |  |
| --- | --- |
| **BÊN B** *(Ký tên, đóng dấu đối với tổ chức; Ghi họ tên đối với cá nhân)* | **BÊN A** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**Mẫu số 05: Báo cáo tình hình cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**  **CUNG CẤP THÔNG TIN, DỮ LIỆU**  **TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ......../BC-.......... | *..................., ngày ..... tháng ..... năm .....* |

**BÁO CÁO**

**Tình hình cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

Năm ..... (Từ tháng ..... năm ..... đến tháng ..... năm ....)

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum.

1. Tên tổ chức/cá nhân:

Người đại diện trước pháp luật (đối với tổ chức):

Số CMND/Căn cước công dân, ngày, nơi cấp (đối với cá nhân):

2. Địa chỉ:

3. Điện thoại: Fax: E-mail:

4. Các thông tin, dữ liệu đã cung cấp:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung, phạm vi, khối lượng thông tin, dữ liệu** | **Tổ chức/cá nhân được cung cấp** | **Thời gian thực hiện** | **Kinh phí cung cấp** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

Chúng tôi/Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung báo cáo này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Lưu: .... | **NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TỔ CHỨC/CÁ NHÂN** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**Mẫu số 06: Biên bản giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN GIAO NỘP**

**Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

Căn cứ Quyết định số ...../2019/QĐ-UBND, ngày ...../..../2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Kon Tum,

Hôm nay, ngày ..... tháng ..... năm ..... tại đơn vị thông tin lưu trữ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum, chúng tôi gồm có:

**1. Đại diện bên giao:**

Ông/Bà: Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại: E-mail:

**2. Đại diện bên nhận:** .................................... thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường

Ông/Bà: Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại: E-mail:

Hai bên tiến hành giao, nhận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của nhiệm vụ/công trình/dự án ................................................................................... để nhập vào kho lưu trữ theo quy định.

Khối lượng thông tin, dữ liệu được thống kê theo bảng như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Thông tin, dữ liệu** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |  |
| **TỔNG CỘNG** | |  |  |  |

Hai bên đã giao nhận đầy đủ toàn bộ hồ sơ được thống kê ở trên và nhất trí ký vào biên bản. Biên bản này được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản./.

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN1** *(Ký, ghi rõ họ tên)* | **ĐẠI DIỆN BÊN GIAO**  *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

1Trường hợp là cơ quan, tổ chức giao nộp thông tin, dữ liệu thì thủ trưởng cơ quan ký tên, đóng dấu; là cá nhân phải ký tên, ghi rõ họ tên.